

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SA THẦY
phúc**

TỈNH KON TUM

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh**

Số: 27/2021/QĐST-HNGĐ
07 tháng 5 năm 2021

Sa Thầy, ngày

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 41/2021/TLST-HNGĐ ngày 02- 4- 2021 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Trần Văn Ph, sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn A thị trấn S, huyện S, tỉnh Kon Tum

- Bị đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Thôn A thị trấn S, huyện S, tỉnh Kon Tum

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 59, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29- 4- 2021.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 4 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Anh Trần Văn Ph, sinh năm 1976

- Chị Lê Thị L, sinh năm: 1980.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Giao con chung Trần Thị Nh, sinh ngày 18/3/2005 và Trần Ngọc Th, sinh ngày 05/9/2013 cho anh Trần Văn Ph trực tiếp nuôi dưỡng,

chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung tròn 18 tuổi và có khả năng lao động, tự lập được.

Các đương sự không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Lê Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2.2 Tài sản chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự theo biên bản thỏa thuận về việc chia tài sản chung của vợ chồng có xác nhận của chính quyền địa phương, cụ thể anh Trần Văn Ph có toàn quyền sở hữu, sử dụng và định đoạt đối với:

- 01 lô đất tại thôn A thị trấn S, huyện S, tỉnh Kon Tum đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 427596, vào sổ cấp GCNQSDĐ số CS02367 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum cấp ngày 05/01/2018, đứng tên chủ hộ Trần Văn Ph và Lê Thị L có diện tích 210m² có tứ cận như sau: Phía đông giáp đất ông Kim; Phía tây giáp tỉnh lộ 674 mới; Phía nam giáp đất ông Kim; Phía bắc giáp đất ông Hùng

Hiện trạng thửa đất: có 01 căn nhà có tổng diện tích 50m² kết cấu mái lợp tôn, tường xây gạch, nền gạch men và xi măng, cửa sắt. Ngoài ra có công trình phụ với diện tích 7,26 m². Nhà ở và công trình phụ do gia đình tự làm, chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp phép xây dựng.

- 01 lô đất tại thôn S, xã S, huyện S, tỉnh Kon Tum đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 297501, vào sổ cấp GCNQSDĐ số CH00232 do UBND huyện Sa Thầy cấp ngày 01/3/2016, đứng tên chủ hộ Trần Văn Ph và Lê Thị L có diện tích 9.850,7m². có tứ cận như sau: Phía đông giáp khe cận; Phía tây giáp đất ông Thái; Phía nam giáp đất ông A Phun; Phía bắc giáp đất ông Lương Kế Sơn. Hiện trạng thửa đất: Trên đất có trồng 360 cây cao su đã khai thác năm thứ 5 (Năm).

- 01 lô đất tại thôn Nh A, xã S, huyện S, tỉnh Kon Tum đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 297949, vào sổ cấp GCNQSDĐ số 00444 do UBND huyện Sa Thầy cấp ngày 29/7/2016, đứng tên chủ hộ Trần Văn Ph và Lê Thị L có diện tích 9.963,8m². có tứ cận như sau: Phía đông giáp đất ông Võ Thái Hòa; Phía tây giáp đất ông Trần Ngọc Sinh; Phía nam giáp khe cận; Phía bắc giáp đất khe cận. Hiện trạng thửa đất: Trên đất có trồng 430 cây cao su đã khai thác năm thứ 07 (Bảy).

Anh Trần Văn Ph có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập hồ sơ địa chính cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới theo quy định pháp luật.

2.3 Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Tổng chi phí là 3.600.000 đ (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng), anh Trần Văn Ph nhận nộp. Anh Phương đã nộp đủ.

2.4 Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 3 Điều 144; khoản 3, 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc chia tài sản chung trước khi Tòa án tiến hành hòa giải và yêu cầu Tòa án ghi nhận trong Quyết định nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu chia tài sản chung.

- Số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng, anh Trần Văn Ph tự nguyện nhận nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh Phương đã nộp 10.050.000 đồng (*Mười triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số AA/2016/0004174 ngày 02/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sa Thầy. Hoàn trả cho anh Trần Văn Ph số tiền 9.900.000 đồng (*Chín triệu chín trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí còn lại.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND t. Kon Tum;
- VKSND h. Sa Thầy;
- Sở Tư pháp t. Kon Tum;
- Chi cục THADS h. Sa Thầy;
- UBND xã Hoàng Lưu, h. Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Lâm